



shuǐ bīng

水兵

noun · seaman

Example Sentences

Shuǐ bīng zài jiǎ bǎn shàng zhàn gǎng

水兵在甲板上站岗。

The seaman is standing guard on the deck.

Zhè xiē shuǐ bīng lái zì bù tóng de guó jiā

这些水兵来自不同的国家。

These seamen come from different countries.

Trace each character, then write the word on your own.

水	水	水	水	水	水	水								
兵	兵	兵	兵	兵	兵	兵	兵	兵	兵					